

Năm h ư c 2012-2013 tr ư ng THPT Chuyên Khoa h ư c T ư nhiên có 498 h ư c sinh t ư t nghi ư p, và có 453 h ư c sinh đ ư thi 4 kh ư i A, A1, B và D trong k ư thi tuy ư n sinh Đ ư i h ư c 2013. Theo b ư ng x ư p h ư ng c ư a B ư Giáo d ư c và Đào t ư o v ư k ư t qu ư thi Đ ư i h ư c năm 2013, tr ư ng THPT Chuyên KHTN v ư i 785 l ư t thi và đ ư t đ ư m bình quân 22,20 x ư p v ư trí th ư 7 trong danh sách 200 tr ư ng THPT có k ư t qu ư cao nh ư t trong c ư n ư c. Tr ư ng ta có 5 h ư c sinh đ ư th ư khoa các tr ư ng Đ ư i h ư c, đó là :

- Phan Ng ư c Minh l ư p 12A2 Hóa th ư khoa kh ư i A H ư c vi ư n Ngân Hàng (29 đ ư m),
- Tr ư n Minh Tâm l ư p 12A2 Toán th ư khoa kh ư i A tr ư ng Đ ư i h ư c Khoa h ư c T ư nhiên (28 đ ư m),
- Lê Ph ư ng Anh l ư p 12A1 Toán th ư khoa kép kh ư i A1 (25,5 đ ư m) và kh ư i D1 (27 đ ư m) H ư c vi ư n Ngo ư i giao,
- Ng ư n Th ư K ư u Anh l ư p 12A1 Toán đ ư ng th ư khoa kh ư i D1 H ư c vi ư n Ngo ư i giao (27 đ ư m)
- Ng ư n Th ư Ng ư c Anh l ư p 12A1 Toán đ ư ng th ư khoa kh ư i D1 tr ư ng Đ ư i h ư c Lu ư t Hà N ư i (26,5 đ ư m).

Ngoài ra Ng ư n Ti ư n Th ư ng và Ng ư n Minh D ư ng l ư p 12A2 Toán là đ ư ng Á khoa kh ư i A tr ư ng Đ ư i h ư c Kinh t ư Qu ư c dân (29 đ ư m).

Toàn tr ư ng có 17 h ư c sinh đ ư t đ ư m thi t ư 28 đ ư n 29. Đ ư c bi ư t trong đó ph ư i k ư đ ư n Phan Ng ư c Minh l ư p 12A2 Hóa có đ ư m thi kh ư i A là 29, kh ư i B là 28,5 và Đ ư Văn Tâm l ư p 12A2 Toán có đ ư m thi c ư kh ư i A, kh ư i B đ ư u là 28,5.

N ư tính t ư 27 đ ư m tr ư lên, c ư tr ư ng có 51 h ư c sinh; trong đó kh ư i A là 35 h ư c sinh, kh ư i B là 19 h ư c sinh và kh ư i D1 là 2 h ư c sinh (có 5 h ư c sinh đ ư t đ ư m c ư 2 kh ư i A và B đ ư u t ư 27 đ ư m tr ư lên).

Sau đây là top 20 tr ư ng THPT có đ ư m thi Đ ư i h ư c cao nh ư t c ư n ư c.

STT

T ỉnh / thành ph

Mã ố Sn v

Tên tr ư ng ph thông

L ậ t d thi

ỐTB (Ex)

1

TP H ố Chí Minh

2018

THPT NK ĐH KHTN

519

23,31

2

T ỉnh Bình Ph ố c

43004

THPT Chuyên Quang Trung

198

23,19

3

T ỉnh Hà T ĩnh

30040

THPT Chuyên Hà T ĩnh

319

22,55

4

TP Hà Nđ i

1A037

THPT Chuyên ĐH SP HN

552

22,41

5

Tđ nh Nam Đđ nh

25002

THPT Lê Hđ ng Phong

769

22,31

6

Tđ nh Vĩnh Phúc

16012

THPT Chuyên Vĩnh Phúc

430

22,22

7

TP Hà N i

1A045

THPT Chuyên KHTN ỔH QG HN

785

22,20

8

TP Đà Nđ ng

4005

THPT Chuyên Lê Quý Đôn

331

22,06

9

TP Hà Nđ i

1A144

Chuyên ng ĐH NN Q. gia

581

22,00

10

T nh Bình Đ nh

37003

THPT chuyên Lê Quý Đôn

401

21,90

11

TP Hà N i

1A003

THPT Hà N i-Amstecdam

672

21,89

12

T nh H i D ng

21013

THPT Nguy n Trãi

453

21,70

13

T nh Thái Bình

26002

THPT Chuyên

819

21,60

14

T nh Đ ng Nai

48001

THPT Chuyên L ng Th Vinh

395

21,54

15

TP Hđ Chí Minh

2015

THPT Lê Hđ ng Phong

992

21,50

16

Tđ nh Thanh Hóa

28118

THPT Chuyên Lam Sđ n

453

21,41

17

T ỉnh Khánh Hòa

41017

THPT chuyên Lê Quý Đôn

307

21,37

18

T ỉnh Ngh ệ An

29006

THPT Chuyên Phan B ội Châu

536

21,27

19

T ỉnh Th ừa Thiên-Hu ế

33001

THPT Chuyên Qu ố c H ọc

729

21,24

20

TP Hà N ội

1B162

THPT Chuyên Nguy ễn Hu ỳnh

820

21,22

TS. Lê Công L ập (Phó Hi ệu u tr ưởng)